



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Năm 2022

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ
- Tên tiếng Anh: SADICO CANTHO JOINT STOCK CORPORATION
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800155452 (số cũ là 5703000320) đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 06 năm 2007. Đăng ký thay đổi lần 10 ngày 25/11/2022.
- Vốn điều lệ: 101.399.970.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2022: **490.166.733.208** đồng.

- Địa chỉ: 366E, CMT8, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam.
- Điện thoại: 0292.3884919
- Fax: 0292.3821141
- Webservice: www.sadicocantho.com.vn
- Mã cổ phiếu: SDG

* *Quá trình hình thành và phát triển:*

- Công ty Cổ Phần SADICO Cần Thơ được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số: 2895/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân TP. Cần Thơ v/v phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Vật liệu Xây dựng TP. Cần Thơ (SADICO) thành Công ty cổ phần và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2007.

- Công ty tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 16/06/2007.

- Niêm yết cổ phiếu:

+ Ngày 22/12/2009, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SDG. Số lượng cổ phiếu niêm yết là: 5.000.000 cổ phiếu.

+ Ngày 08/10/2010, cổ phiếu niêm yết bổ sung của Công ty chính thức được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 1.499.997 cổ phiếu.

+ Ngày 14/08/2018, cổ phiếu niêm yết bổ sung của Công ty chính thức được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 300.000 cổ phiếu.

+ Ngày 14/07/2020, cổ phiếu niêm yết bổ sung của Công ty chính thức được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 340.000 cổ phiếu.

+ Ngày 13/05/2021, cổ phiếu niêm yết bổ sung của Công ty chính thức được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 3.000.000 cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

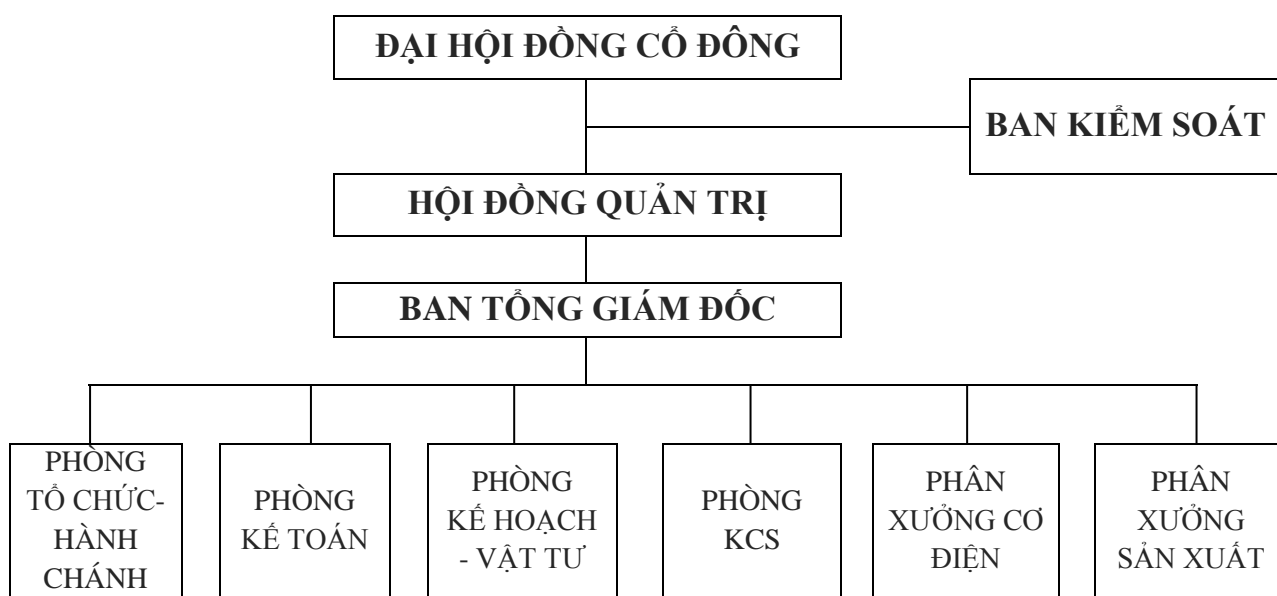
- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất bao bì, vải dệt từ plastic; Sản xuất bao bì từ giấy; Kinh doanh VLXD; Ủy thác xuất nhập khẩu; Đầu tư kinh doanh bất động sản; In ấn; Kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành in, sau in và máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác; Kinh doanh bao bì, nhựa, giấy, phụ gia và hóa chất ngành nhựa các loại.

- Tình hình hoạt động: hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất bao bì đựng xi măng. Đầu tư tài chính tại các Công ty sản xuất xi măng như: Công ty cổ phần Xi măng Tây Đô, Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên, Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang.

- Địa bàn kinh doanh: TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hà Tiên, Đồng Nai, Bình Dương

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a. Cơ cấu tổ chức Công ty:



b. Công ty con: Công ty cổ phần Xi măng Tây Đô:

- Địa chỉ: Km 14, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ.
- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy nội địa.

- Vốn điều lệ : 76.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần sở hữu : 3.880.350 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu : 51,06% vốn điều lệ

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: sản xuất kinh doanh vỏ bao xi măng và các lĩnh vực khác nhằm phục vụ lợi ích cho các cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng, tạo việc làm ổn định và thu nhập hợp lý cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước và thực hiện trách nhiệm xã hội.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: phát triển thành tập đoàn gồm các thành viên hoạt động trong chuỗi ngành xi măng và các sản phẩm phụ trợ. Đối với mảng bao bì, định hướng phát triển các vật liệu, chủng loại sản phẩm thân thiện môi trường, có độ chịu lực tốt và thẩm mỹ cao.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Cam kết “Vì thế hệ tương lai – chung tay cùng cộng đồng gìn giữ môi trường xanh-sạch-đẹp”. Tham gia và hưởng ứng các chương trình phúc lợi xã hội là trách nhiệm, nghĩa vụ đối với xã hội và cũng là nét đẹp văn hóa truyền thống của SADICO Cần Thơ.

- Giữ gìn và phát huy truyền thống thi đua, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, nâng cao trách nhiệm trong mỗi cá nhân, tổ chức, nhằm tạo ra một môi trường làm việc hăng say và hiệu quả, qua đó tạo nên một tập thể vững mạnh, sẵn sàng đương đầu với mọi thách thức để tiến tới thành công.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Năm 2022, nền kinh tế hội nhập sâu rộng của Việt Nam phải đối diện với những tác động rất nhanh và trực tiếp của môi trường quốc tế “không có tiền lệ”, “không dự báo được”. Mặt khác, nền kinh tế phải đối mặt với những hoạt động bị “đông cứng” tích tụ sau hơn hai năm Covid làm ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội và đời sống nhân dân. Khi kinh tế dần phục hồi thì giá cả nguyên vật liệu đầu vào đồng loạt tăng, lãi suất ngân hàng tăng cao gần gấp đôi so với năm 2021 cùng với việc siết chặt “room tín dụng” gây khó khăn cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn. Trong khi đó, việc tăng giá bán sản phẩm đầu ra rất khó khăn do cạnh tranh về giá với các đối thủ cùng ngành. Thị trường xi măng giảm mạnh dẫn đến việc bán vỏ bao cũng bị ảnh hưởng và giảm theo.

- Cạnh tranh từ các đối thủ trong ngành sản xuất bao bì với việc các đối thủ mở rộng qui mô và cạnh tranh theo phương thức giảm giá.

- Một năm đầy khó khăn và thách thức, Ban Lãnh đạo Công ty nhanh chóng chuyển đổi để thích nghi, tùy cơ ứng biến, xây dựng kế hoạch sản phẩm phù hợp, ổn định nguồn nhân lực. Công ty tiếp tục duy trì thị trường truyền thống, mở rộng thêm thị trường bao nông sản, cơ cấu lại nguồn vốn, giảm chi phí tối đa... vì vậy Công ty vẫn duy trì tốt các chỉ tiêu lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông 2022 đề ra, đảm bảo mức cổ tức theo kế hoạch, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động cũng như đóng góp các khoản thu ngân sách cho nhà nước, phúc lợi cho địa phương.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ & tên	Chức vụ	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch HĐQT	1974	Hải Dương	Đại học
2	Ông Nguyễn Văn Cường	Tổng GD điều hành	1963	Thừa Thiên Huế	Kỹ sư điện-điện tử
3	Bà Huỳnh Thị Hạnh Phúc	Phó TP Phụ trách Kế toán	1988	Cần Thơ	Cử nhân kinh tế

- Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2022: 233 người.

- Chính sách đối với người lao động:

+ Đảm bảo thực hiện việc ký hợp đồng lao động, trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bồi dưỡng độc hại, bảo hiểm tai nạn con người, khám sức khỏe định kỳ và các quyền lợi khác theo đúng luật.

+ Thực hiện đúng chế độ lương, thưởng cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- Các khoản đầu tư lớn: không có

- Công ty con: Năm 2022, do tình hình kinh tế khó khăn, Công ty chưa hoàn thành được kế hoạch của Đại hội cổ đông giao, doanh thu đạt 1.227 tỷ, lợi nhuận sau thuế đạt 35 tỷ. Tiếp tục mở rộng thị trường các tỉnh ĐBSCL và một số tỉnh miền Đông nam bộ.

4. Tình hình tài chính hợp nhất:

a. Tình hình tài chính:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	(%) tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	908,11	982,16	8,15%
2	Doanh thu thuần	1.353,51	1.554,48	14,85%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25,84	54,86	112,28%
4	Lợi nhuận khác	1,27	0,62	-51,54%
5	Lợi nhuận trước thuế	33,85	62,01	83,19%
6	Lợi nhuận sau thuế	27,77	49,06	76,69%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	58,11	34,06	-41,38%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,21	1,25
- Hệ số thanh toán nhanh	0,82	0,88
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,48	0,50
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,92	1,00
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	8,8	8,3
- Vòng quay tổng tài sản	1,55	1,64
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,03
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,06	0,10
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,05
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	0,02	0,04

c. Cơ cấu cổ đông:

✓ Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành đến 31/12/2022: 10.139.997 cổ phần.
- Tổng số cổ phần thường đang lưu hành đến 31/12/2022: 10.139.997 cổ phần.
- Tổng số cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.139.997 cổ phần.
- Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2022: 18.960 đồng/cổ phiếu.

✓ Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Đầu năm 2021		Cuối năm 2021		Thay đổi %
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Phân theo cổ đông trong nước, ngoài nước :					
	- Cổ đông trong nước	10.108.587	99,69	10.110.187	99,71	0,02
	- Cổ đông ngoài nước	31.410	0,31	29.810	0,29	-0,02
	Cộng	10.139.997	100,00	10.139.997	100,00	
2	Phân theo cổ đông lớn, nhỏ :					
	- Cổ đông lớn	9.034.629	89,10	9.476.691	93,46	4,36
	- Cổ đông nhỏ	1.105.368	10,90	663.306	6,54	-4,36
	Cộng	10.139.997	100,00	10.139.997	100,00	
3	Phân theo cổ đông tổ chức, cá nhân :					
	- Cổ đông tổ chức	998.919	9,85	50.421	0,50	-9,35
	- Cổ đông cá nhân	9.141.078	90,15	10.089.576	99,50	9,35
	Cộng	10.139.997	100,00	10.139.997	100,00	
4	Phân theo cổ đông nhà nước, cổ đông khác :					
	- Cổ đông nhà nước	0	0,00	0	0,00	0,00
	- Cổ đông khác	10.139.997	100,00	10.139.997	100,00	0,00
	Cộng	10.139.997	100,00	10.139.997	100,00	

✓ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Về thay đổi vốn chủ sở hữu của cổ đông lớn đến 31/12/2022:

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ (%)
1	Bà Phạm Thị Thúy	2.301.692	22,70
2	Ông Mai Công Toàn	952.100	9,39
3	Bà Phạm Thị Thêu	2.257.000	22,26
4	Ông Bùi Văn Tùng	1.957.879	19,31
5	Bà Trương Thị Phương Thúy	1.495.044	14,74
6	Bà Cao Thị Hằng Hà	512.976	5,06

✓ Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

✓ Các chứng khoán khác: không có.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

5.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Mọi hoạt động của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp sản xuất đều ảnh hưởng đến môi trường. Do đó, Công ty đã áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào một cách hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất, đồng thời tiết kiệm nguyên vật liệu, vừa giảm chi phí, vừa góp phần bảo vệ môi trường.

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm: 5.768 tấn nguyên vật liệu các loại.

- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: 6,55%.

- Đối với chất thải rắn nguy hại được thu gom, lưu trữ đúng nơi qui định và thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý rác thải nguy hại xử lý.

5.2. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: năng lượng tiêu thụ chủ yếu phục vụ công tác sản xuất. Lượng điện tiêu thụ năm 2022 khoảng 6.956.700 kwh.

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không.

- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không có.

5.3. Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước được cung cấp từ Công ty cấp nước TP. Cần Thơ, lượng nước trung bình tiêu thụ hàng năm khoảng 5.857m³. Lượng nước này chủ yếu được sử dụng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh tại công ty

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có.

5.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các qui định về môi trường: không có.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm không tuân thủ luật pháp và các qui định về môi trường: không có.

5.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: đến ngày 31/12/2022 tổng số lao động toàn Công ty là 233 người. Tiền lương bình quân: **9.600.000** đồng/người/tháng.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: thực hiện đúng nội dung Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể đã ký kết giữa người sử dụng lao động và người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo qui định của pháp luật: trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bồi dưỡng độc hại, bảo hiểm tai nạn con người, khám sức khỏe định kỳ và các quyền lợi khác...

- Hoạt động đào tạo người lao động: số giờ đào tạo trung bình mỗi năm là 200 giờ. Chất lượng lao động luôn được Công ty quan tâm, chú trọng thông qua việc tuyển dụng, đào tạo và tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, an toàn lao động, an toàn điện cho người lao động.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Từ sản xuất kinh doanh:

Năm 2022 là một năm đầy khó khăn và thách thức, hàng hoá tiêu thụ chậm cộng thêm lãi suất ngân hàng tăng cao. Đứng trước thách thức đó, HĐQT và Ban Giám đốc đã đưa ra những quyết sách hợp lý, kịp thời nhằm giúp Công ty vượt qua và hoàn thành mục tiêu lợi nhuận đề ra. Một số giải pháp đã được áp dụng vào trong sản xuất kinh doanh như sau:

- Sắp xếp tinh gọn bộ máy, tăng năng suất lao động.
- Tiết giảm nhiều chi phí: nguyên liệu, vật tư, chi phí quản lý, bán hàng.
- Tìm kiếm thêm nguồn nguyên liệu thay thế với giá cả hợp lý nhưng vẫn đảm bảo chất lượng cho sản phẩm đầu ra.
- Tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ với việc đa dạng hóa sản phẩm, tăng sản lượng bao nông sản, manh cuộn... góp phần tăng doanh thu và quay nhanh vòng vốn.

- Kết quả sản xuất kinh doanh:

DVT : tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch SXKD năm 2022		Kết quả SXKD năm 2022			
		Công ty me	Hợp nhất	Công ty me	%TH/KH	Hợp nhất	%TH/KH
1	Doanh thu	344,79	2.424,39	222,22	64,45	1.554,48	64,12
2	Lợi nhuận trước thuế	45,72	82,54	31,17	68,18	62,01	75,13
2.1	Lợi nhuận SXKD	36,2		21,65	59,81		
2.2	Lợi nhuận đầu tư tài chính	9,52		9,52	100,00		
3	Lợi nhuận sau thuế	38,48	66,64	26,76	69,54	49,06	73,62
3.1	Lợi nhuận SXKD	28,96		17,24	59,53		
3.2	Lợi nhuận đầu tư tài chính	9,52		9,52	100,00		

1.2. Từ đầu tư tài chính:

Nguồn cổ tức thu về từ Công ty con và hoạt động đầu tư tài chính như sau:

DVT: tỷ đồng

Tên đơn vị	Giá trị sổ sách	Giá trị cổ phần theo mệnh giá	Cổ tức 2021 (thu QII/2022)	Cổ tức 2021
1- Cty CP Xi măng Tây Đô	53,25	38,8	7,76	20%
2- Cty CP XM Hà Tiên KG	1,55	1,4	0,70	50%
3- Cty CP Xi măng Hà Tiên	2,68	3,93	1,38	35%
Tổng Cộng	57,48		9,84	

Cổ tức đầu tư tài chính năm 2022 là: 9,84 tỷ đồng. Các đơn vị sẽ chuyển về SADICO trong quý II/2023.

* Thực hiện hài hòa 4 lợi ích:

- **Đối với nhà đầu tư:** SADICO cam kết bảo toàn đồng vốn, sử dụng đồng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Mức cổ tức dự kiến năm 2022 là 10% (bằng tiền).

- **Đối với nhà nước:** SADICO nghiêm túc tuân thủ hoạt động kinh doanh trên nền tảng luật pháp hiện hành, công khai, minh bạch.

Kết quả năm 2022: Công ty nộp ngân sách 10 tỷ đồng.

- **Đối với người lao động:** SADICO cung cấp mọi nguồn lực, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo sự ổn định cho CB.CNV an tâm công tác, gắn bó lâu dài với Công ty. Thu nhập bình quân của CB.CNV: **9.600.000** đồng/người/tháng.

- **Đối với phúc lợi cộng đồng:** SADICO duy trì Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001. Cam kết “Vì thế hệ tương lai - chung tay cùng cộng đồng gìn giữ môi trường xanh-sạch-đẹp”. Hằng năm, SADICO hưởng ứng nhiều chương trình phúc lợi xã hội.

*** Bảng kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022:**

ĐVT: tỷ đồng

DIỄN GIẢI	THEO KẾ HOẠCH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		THỰC TẾ	
	TỶ LỆ	SỐ TIỀN	TỶ LỆ	SỐ TIỀN
1- Lợi nhuận sau thuế 2022		38,48		26,76
- LN từ sản xuất kinh doanh		28,96		17,24
- LN từ đầu tư tài chính		9,52		9,52
2- Lợi nhuận để lại các năm trước		33,53		33,53
3- Tổng lợi nhuận chưa phân phối		72,01		60,29
4- Tổng lợi nhuận đã phân phối		27,19		15,05
- Chia cổ tức (%/VĐL)	20%	20,28	10%	10,14
- Thù lao HĐQT		0,60		0,60
- Thù lao BKS		0,24		0,24
- Tiền thưởng Chủ tịch HĐQT (lợi nhuận sau thuế từ SXKD)	5%	1,45	5%	0,86
- Quỹ đầu tư phát triển (lợi nhuận sau thuế)	6%	2,31	6%	1,61
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi (lợi nhuận sau thuế)	6%	2,31	6%	1,61
5- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		44,82		45,24

2. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài sản: tất cả các tài sản được quản lý và sử dụng hiệu quả.

- Tình hình nợ phải trả: Tình hình nợ phải trả của Công ty chủ yếu là các khoản nợ vay ngắn hạn. Công ty không vay ngoại tệ nên ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả kinh doanh không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty đã thực hiện một số cải tiến bộ máy quản lý, rà soát và tinh giản bộ máy theo hướng tinh gọn và nâng cao hiệu suất làm việc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Việt Nam chúng ta dự báo sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong năm 2023 trong bối cảnh khu vực và quốc tế sẽ tiếp tục có những diễn biến rất phức tạp và khó lường. Tăng trưởng giảm sút, lạm phát cao, đồng tiền phá giá, nhu cầu tiêu dùng sụt giảm, giá nhiên liệu biến động và nhiều nguyên nhân khác ở các thị trường quốc tế, sẽ gây ra tác động và hệ lụy rất tiêu cực đến các nền kinh tế, nhất là các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Việt Nam đang đối diện với rất nhiều vấn đề kinh tế mang tính nội tại và chưa được giải quyết. Ví dụ, những dấu hiệu bất ổn của thị trường bất động sản, của thị trường vốn, khả năng

thanh khoản của các tổ chức tín dụng, khả năng chống chịu, năng lực tự chủ của nền kinh tế... Tất cả những điều này sẽ đặt ra nhiệm vụ rất lớn và khó khăn cho để giải quyết trong năm 2023.

Trên cơ sở đó, các chiến lược phát triển của Công ty được xác định như sau:

- Tiếp tục mục tiêu phát triển chủ lực ngành bao bì xi măng đồng thời đa dạng hóa các ngành bao bì, vật liệu bao bì khác để khai thác hiệu quả các nguồn lực hiện có của Công ty. Giữ vững thị trường khách hàng cũ, phát triển các khách hàng mới tiềm năng, khai thác hết công suất thiết bị dãn.

- Mở rộng thị trường bao bì xi măng với việc khai thác thêm các khách hàng tiềm năng để tăng công suất nhà máy;

- Tìm kiếm thêm các nhà cung ứng nguyên vật liệu mới cạnh tranh giảm giá thành: nhựa pp, các loại phụ gia, hạt tái chế, phế liệu sạch, mực in, dung môi...chất lượng và ổn định đa dạng nguồn cung.

- Nghiên cứu sản phẩm mới phù hợp với thiết bị hiện có đồng thời khảo sát thị trường và khách hàng tiềm năng để chọn lựa sản phẩm phù hợp.

*** Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:**

DVT: tỷ đồng

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đvt	KẾ HOẠCH NĂM 2022	
		Công ty mẹ	Hợp nhất
1- Sản lượng sản xuất và tiêu thụ	bao	72.560.000	53.360.000
	tấn		1.800.000
2- Tổng doanh thu	tỷ	264,3	2.353,50
3- Lợi nhuận trước thuế		52,19	96,37
* LN từ SXKD	tỷ	42,35	
* LN từ đầu tư tài chính		9,84	
4- Lợi nhuận sau thuế		43,72	80,22
* LN từ SXKD	tỷ	33,88	
* LN từ đầu tư tài chính		9,84	
5- Chia cổ tức	%	20	
6- Thù lao			
* HĐQT & Trưởng BKS		10.000.000 đồng/người/tháng	
* Thành viên BKS		5.000.000 đồng/người/tháng	
7- Thuởng Chủ tịch HĐQT (khi công ty mẹ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận từ SXKD do ĐHĐCĐ đề ra)		5% lợi nhuận sau thuế	
8- Quỹ đầu tư phát triển		6% lợi nhuận sau thuế	
9- Quỹ khen thưởng và phúc lợi		6% lợi nhuận sau thuế	

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có vì ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: các hoạt động của Công ty đáp ứng tốt các qui định của pháp luật và trách nhiệm của Công ty đối với môi trường, xã hội.

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn có những cải tiến về chính sách tiền lương, phúc lợi xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn là đơn vị hỗ trợ tích cực cho các hoạt động, chương trình từ thiện của tại địa phương đặt trụ sở cũng như các địa phương khác trên cả nước.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Năm 2022, áp lực lạm phát toàn cầu ở mức cao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh lãi suất để phù hợp với bối cảnh quốc tế và ổn định kinh tế vĩ mô, gây áp lực cho doanh nghiệp về lãi suất và việc tiếp cận vốn; sức mua của thị trường giảm mạnh, đặc biệt là quý 04/2023 làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn đạt được phần lớn các chỉ tiêu mà Đại hội đã đề ra. Đạt được những kết quả như trên trước hết là có sự đồng thuận, ủng hộ của các Quý Cổ đông trong việc thông qua các quyết sách và kế hoạch phát triển kinh doanh, là sự chủ động trong điều hành và đưa ra các giải pháp kịp thời của Ban Lãnh đạo, là sự đoàn kết gắn bó và nỗ lực của tập thể cán bộ, nhân viên trong toàn Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc Công ty:

- Tổng Giám đốc điều hành đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Trưởng phòng/phụ trách bộ phận.

- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.

- Công ty đã tiếp tục áp dụng duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO tích hợp 9001-2008 & ISO: 14001-2004, hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC17025, các qui trình sản xuất theo hướng chuyên môn hóa, thường xuyên cập nhật thiết lập triển khai qui trình mới, nhiều giải pháp ứng dụng cải tiến kỹ thuật công nghệ được áp dụng trong quản lý góp phần làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm ổn định. Qui trình sản xuất được kiểm soát nghiêm ngặt từ đầu vào đến đầu ra, tiết giảm chi phí điện năng, tiết giảm phế liệu phế phẩm theo định mức lý tưởng, góp phần làm hạ giá thành, nâng cao năng suất, chất lượng, sản phẩm được khách hàng tín nhiệm cao.

- Trong năm, không xảy ra các giao dịch kinh doanh trực tiếp từ những cá nhân HĐQT, BGD với Công ty, giao dịch kinh doanh của tổ chức nơi họ làm việc với Công ty được thực hiện minh bạch, đúng pháp luật và hợp đồng kinh tế, không có xung đột lợi ích giữa cá nhân trong HĐQT, BGD hoặc tổ chức nơi họ làm việc với Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: công tác nhân sự, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, tài chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí ...

Chỉ đạo đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Chủ động, tích cực hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc tìm kiếm các thị trường và phát triển sản phẩm mới; phát huy tối đa mọi nguồn lực để phát triển kinh doanh, mang lại lợi nhuận và tạo

nên thương hiệu cho Công ty; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ & Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch	28/02/2019		
2	Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên		28/02/2019	19/04/2022
3	Ông Đỗ Hữu Hương	Thành viên	28/02/2019		
4	Ông Phạm Ngọc Khanh	Thành viên	25/09/2019		
5	Ông Mai Công Quyết	Thành viên	31/10/2020		
6	Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên	19/04/2022		

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: chưa thành lập các tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Căn cứ vào chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ đã được Điều lệ Công ty và pháp luật quy định, HĐQT trong năm qua đã quyết định các vấn đề liên quan đến công tác quản trị, gồm các nội dung sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2022/NQ-HĐQT	04/03/2022	Thông qua triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
2	02/2022/NQ-HĐQT	11/04/2022	Về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo tại ngân hàng BIDV Cần Thơ.
3	02a/2022/NQ-HĐQT	19/04/2022	- Thông qua uỷ quyền CT. HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2022 cho Công ty. - Thông qua uỷ quyền CT. HĐQT đề cử nhân sự đại diện tham gia HĐQT và BKS của Công ty CP XM Tây Đô.
4	03/2022/NQ-HĐQT	06/05/2022	Về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo tại ngân hàng BIDV Cần Thơ.
5	04/2022/NQ-HĐQT	16/06/2022	Thông qua chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt.

d. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: không có.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: không có.

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ & Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Vũ Bá Chiến	Trưởng BKS	19/04/2022		

Stt	Họ & Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
2	Ông Đoàn Văn Cường	Trưởng BKS	28/02/2019		19/04/2022
3	Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên		19/04/2022	
4	Ông Vũ Xuân Nguyên	Thành viên	19/04/2022		
5	Bà Nguyễn Thị Kim Thúy	Thành viên	30/12/2020		19/04/2022
6	Ông Nghiêm Chí Minh	Thành viên	27/04/2021		19/04/2022

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Công tác quản lý của Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị Công ty, qua đó giám sát công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty đã xem xét cẩn thận báo cáo của Ban điều hành Công ty, nêu ra những vấn đề cần thiết để giải quyết, thảo luận tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao và ra nghị quyết rất cụ thể trong việc quản lý, điều hành Công ty. Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại các cuộc họp đều thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, được tiến hành công khai, phù hợp với chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị.

- Công tác điều hành của Tổng giám đốc và Ban điều hành:

Tổng giám đốc quản lý, điều hành Công ty rất có trách nhiệm, năng nổ, triển khai và thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn. Luôn tìm biện pháp để đưa Công ty vượt qua mọi khó khăn, đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức công tác tài chính kế toán:

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra và xác nhận tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty là rất tốt.

Công ty đảm bảo thực hiện tốt việc tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính theo đúng chuẩn mực kế toán, được Công ty kiểm toán thông qua.

Tất cả chứng từ kế toán được Công ty quản lý chặt chẽ và đưa vào lưu trữ có hệ thống theo quy định, đáp ứng tốt cho việc hạch toán và kiểm tra.

- Đánh giá kết quả kiểm soát tình hình hoạt động của Công ty:

Sau khi đã tiến hành thẩm định các báo cáo của Công ty. Ban kiểm soát hoàn toàn nhất trí với số liệu và kết luận của kiểm toán viên, chấp nhận đưa số liệu này vào báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông với những ý kiến nhận xét như sau:

- Cơ cấu vốn và nguồn vốn của Công ty được cân đối hợp lý, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tài chính lành mạnh, thực hiện công tác bảo toàn vốn tốt.
- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị:

Stt	Họ & Tên	Chức vụ	Thù lao	Tiền thưởng
1	Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch	120.000.000	906.265.116
2	Ông Mai Công Quyết	Thành viên	120.000.000	30.000.000
3	Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên	80.000.000	
4	Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên	40.000.000	50.000.000
5	Ông Đỗ Hữu Hường	Thành viên	120.000.000	30.000.000
6	Ông Phạm Ngọc Khanh	Thành viên	120.000.000	30.000.000
	Cộng		600.000.000	1.046.265.116

- Ban Giám đốc:

Stt	Họ & Tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thưởng
1	Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch HĐQT	1.977.600.000	
2	Ông Nguyễn Văn Cường	Tổng Giám đốc Điều hành	623.690.529	116.958.285
	Cộng		2.601.290.529	116.958.285

- Ban Kiểm soát:

Stt	Họ & Tên	Chức vụ	Thù lao	Tiền thưởng
1	Ông Vũ Bá Chiến	Trưởng BKS	80.000.000	
2	Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên	80.000.000	10.000.000
3	Ông Vũ Xuân Nguyên	Thành viên	40.000.000	
4	Nghiêm Chí Minh	Thành viên	20.000.000	10.000.000
5	Nguyễn Thị Kim Thúy	Thành viên	20.000.000	20.000.000
	Cộng		240.000.000	40.000.000

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Họ và tên	Đầu năm		Cuối năm		Chênh lệch số lượng cổ phiếu tăng (+) giảm (-)
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Mai Công Toàn	0	0	952.100	9	952.100
2	Mai Công Tùng	0	0	0	0	0
3	Đoàn Thị Diệp	0	0	0	0	0
4	Mai Công Quyền	0	0	0	0	0

STT	Họ và tên	Đầu năm		Cuối năm		Chênh lệch số lượng cổ phiếu tăng (+) giảm (-)
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %	
5	Mai Công Quyết	0	0	0	0	0
6	Mai Thị Quyên	0	0	0	0	0
7	Mai Thị Huyền	0	0	0	0	0
8	Phạm Thị Thêu	2.257.000	22	2.257.000	22	0
9	Mai Công Anh	0	0	0	0	0
10	Mai Công Hùng	0	0	0	0	0
11	Mai Công Anh Quân	0	0	0	0	0
12	Phạm Ngọc Khanh	0	0	0	0	0
13	Phạm Ngọc Thơ	0	0	0	0	0
14	Trần Thị Sừ	0	0	0	0	0
15	Phạm Thị Xuyên	0	0	0	0	0
16	Phạm Thị Tuyết	0	0	0	0	0
17	Phạm Thị SỰ	0	0	0	0	0
18	Phạm Văn Hiền	0	0	0	0	0
19	Trương Thị Phương Thúy	1.495.044	15	1.495.044	15	0
20	Phạm Ngọc Phương Linh	0	0	0	0	0
21	Phạm Ngọc Hiếu Linh	0	0	0	0	0
22	Đỗ Hữu Hường	0	0	0	0	0
23	Đỗ Hữu Dương	0	0	0	0	0
24	Nguyễn Thị Huyền	0	0	0	0	0
25	Đỗ Thị Bình	0	0	0	0	0
26	Đỗ Hữu Tĩnh	0	0	0	0	0
27	Nguyễn Thu Dung	0	0	0	0	0
28	Đỗ Khánh Ngọc	0	0	0	0	0
29	Đỗ Minh Khang	0	0	0	0	0
30	Mai Công Quyết	0	0	0	0	0
31	Mai Công Tùng	0	0	0	0	0
32	Đoàn Thị Diệp	0	0	0	0	0
33	Mai Công Toàn	0	0	952.100	9	952.100
34	Mai Công Quyền	0	0	0	0	0
35	Mai Thị Quyên	0	0	0	0	0
36	Mai Thị Huyền	0	0	0	0	0
37	Nguyễn Thị Hồng Anh	0	0	0	0	0
38	Mai Ngọc Hà	0	0	0	0	0
39	Mai Công Hiếu	0	0	0	0	0
40	Phạm Mạnh Hùng	0	0	0	0	0
41	Nguyễn Thị Thu Chi	0	0	0	0	0
42	Phạm Văn Sinh	0	0	0	0	0
43	Lưu Tuyết Lan	0	0	0	0	0
44	Phạm Quang Minh	0	0	0	0	0
45	Phạm Minh Hoàng	0	0	0	0	0
46	Phạm Thị Minh Huệ	0	0	0	0	0
47	Phạm Văn Dũng	0	0	0	0	0
48	Phạm Thu Thủy	0	0	0	0	0
49	Nguyễn Thành Sơn	0	0	0	0	0

STT	Họ và tên	Đầu năm		Cuối năm		Chênh lệch số lượng cổ phiếu tăng (+) giảm (-)
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %	
50	Nguyễn Xuân Mai	0	0	0	0	0
51	Nguyễn Xuân Cường	0	0	0	0	0
52	Đoàn Văn Cường	0	0	0	0	0
53	Đoàn Văn Hồng	0	0	0	0	0
54	Ninh Thị Chiêm	0	0	0	0	0
55	Đoàn Thu Mùa	0	0	0	0	0
56	Đoàn Thị Huế	0	0	0	0	0
57	Đoàn Thị Thu Thảo	0	0	0	0	0
58	Trịnh Thị Ánh Minh	0	0	0	0	0
59	Đoàn Trịnh Minh Châu	0	0	0	0	0
60	Đoàn Trịnh Gia Huy	0	0	0	0	0
61	Nghiêm Chí Minh	0	0	0	0	0
62	Phan Thị Diệu Phong	0	0	0	0	0
63	Nghiêm Dũng Minh	0	0	0	0	0
64	Nghiêm Thị Minh Hằng	0	0	0	0	0
65	Phạm Thúy Ngân	0	0	0	0	0
66	Nghiêm Mạnh Lân	0	0	0	0	0
67	Nghiêm Mạnh Khôi	0	0	0	0	0
68	Phạm Gia Trung Ngọc	0	0	0	0	0
69	Trần Thị Kim	0	0	0	0	0
70	Phạm Gia Thịnh	0	0	0	0	0
71	Vũ Xuân Nguyên	0	0	0	0	0
72	Trần Thị Hồng Thắm	0	0	0	0	0
73	Hà Thị Hằng	0	0	0	0	0
74	Nguyễn Thị Hiền	0	0	0	0	0
75	Trần Văn Phát	0	0	0	0	0
76	Vũ Phan Anh	0	0	0	0	0
77	Vũ Phan Bách	0	0	0	0	0
78	Vũ Thu Hương	0	0	0	0	0
79	Vũ Thị Hà Phương	0	0	0	0	0
80	Nguyễn Hữu Dũng	0	0	0	0	0
81	Vũ Hà Sơn	0	0	0	0	0
82	Vũ Thu Hà	0	0	0	0	0
83	Hoàng Việt Dũng	0	0	0	0	0
84	Nguyễn Thị Kim Thúy	0	0	0	0	0
85	Lê Văn Luận	0	0	0	0	0
86	Lê Hoàng Minh Thư	0	0	0	0	0
87	Lê Hoàng Minh Khôi	0	0	0	0	0
88	Huỳnh Tấn Phước	0	0	0	0	0
89	Nguyễn Kim Hoa	0	0	0	0	0
90	Nguyễn Phước Trọng	0	0	0	0	0
91	Nguyễn Phước Ánh	0	0	0	0	0
92	Nguyễn Kim Loan	0	0	0	0	0
93	Nguyễn Thị Kim Châu	0	0	0	0	0
94	Nguyễn Thị Kim Chung	0	0	0	0	0

STT	Họ và tên	Đầu năm		Cuối năm		Chênh lệch số lượng cổ phiếu tăng (+) giảm (-)
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %	
95	Nguyễn Phước Vĩnh	0	0	0	0	0
96	Nguyễn Văn Cường	0	0	0	0	0
97	Nguyễn Văn Gia	0	0	0	0	0
98	Nguyễn Thị Lanh	0	0	0	0	0
99	Nguyễn Phương Trang	0	0	0	0	0
100	Nguyễn Cang Trường	0	0	0	0	0
101	Nguyễn Phương Anh	0	0	0	0	0
102	Nguyễn Thị Trúc Phương	0	0	0	0	0
103	Nguyễn Văn Hùng	0	0	0	0	0
104	Nguyễn Văn Vũ	0	0	0	0	0
105	Nguyễn Văn Thắng	0	0	0	0	0
106	Nguyễn Văn Hiền	0	0	0	0	0
107	Nguyễn Thị Trúc Lê	0	0	0	0	0
112	Huỳnh Thị Hạnh Phúc	0	0	0	0	0
113	Huỳnh Tấn Tài	0	0	0	0	0
114	Lê Thị Luông	0	0	0	0	0
115	Trần Thị Diệu Minh	0	0	0	0	0
116	Nguyễn Thành Luân	0	0	0	0	0
117	Nguyễn Phúc Hưng	0	0	0	0	0
118	Huỳnh Thị Hồng Phúc	0	0	0	0	0
119	Huỳnh Thị Bảo Ngọc	0	0	0	0	0
120	Công Ty Cổ Phần Xi Măng Tây Đô	0	0	0	0	0
121	Vũ Bá Chiến	0	0	0	0	0
122	Vũ Bá Quyết	0	0	0	0	0
123	Nguyễn Tiệp Việt Hoa	0	0	0	0	0
124	Nguyễn Hoài Thu	0	0	0	0	0
125	Vũ Việt Nga	0	0	0	0	0
126	Vũ Bá Kiên	0	0	0	0	0
127	Vũ Thu Hà	0	0	0	0	0
128	Lê Ngọc Anh	170	0	0	0	-170
129	Phạm Bích Ngân	0	0	0	0	0
130	Lê Minh Đức	0	0	0	0	0
131	Lê Ngọc Ý	140	0	0	0	-140
132	Lê Hoàng Tuấn	852	0	52	0	-800

- c. Hợp đồng, hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.
- d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty tuân thủ tuyệt đối Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được Đại hội cổ đông thông qua ngày 25/09/2019.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán: chấp nhận toàn bộ báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022.

2. Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty mẹ và hợp nhất đã kiểm toán được đăng trên website của Công ty Cổ Phần SADICO Cần Thơ: www.sadicocantho.com.vn.

CÔNG TY CP SADICO CẦN THƠ

